

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 342/2017/HSST
Ngày: 15/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung
2. Bà Lê Thị Nhanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 437/2017/HSST ngày 09/8/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Lệ T; giới tính: Nữ; sinh ngày 16/11/1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: đường BV, phường PNL, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường BD, Phường B, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Trần Thị U; hoàn cảnh gia đình: Có 03 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2011); tiền sự: Không; tiền án: Ngày 22/3/2012, bị Tòa án nhân dân Quận P xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án số 65/2012/HSST); Nhân thân: Ngày 21/6/2007, bị Tòa án nhân dân Quận P xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án số 171/2007/HSST);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2016 (Có mặt).

Người bào chữa:

Ông Trịnh Bá T1, luật sư thuộc Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Lệ T (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Thị Lệ T bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào lúc 17 giờ 45 phút ngày 27/10/2016, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận P phát hiện Nguyễn Thị Lệ T đang điều khiển xe gắn máy biển số 59T1-816.38 có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu T dừng xe để kiểm tra tại trước nhà số 385A NT, phường NCT, Quận P. Qua kiểm tra đã phát hiện thu giữ được trong túi áo khoác màu đen để trong cốp xe T sử dụng có 328 tép chứa chất bột màu trắng, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 37,3635g, loại Heroine (Kết luận giám định số 1926/KLGD-H ngày 24/11/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh). Sau đó, Công an Quận 1 đã đưa T về công an phường NCT, Quận P lập biên bản phạm tội quả tang. Đồng thời, Công an Quận P đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án và vật chứng đến Phòng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Lệ T đã khai nhận hành vi phạm tội như sau: Thu quen biết đối tượng tên Ô (không rõ lai lịch) từ trước, đến ngày 22/10/2016 T gặp Ô nói chuyện để mượn tiền làm vốn, qua nói chuyện Ô sẽ cung cấp ma túy (heroin) cho T đem bán và trả tiền sau, T đồng ý. Từ đó cho đến khi bị bắt, T đã nhận ma túy của Ô tổng cộng được 2 lần để bán lại, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào ngày 24/10/2016, T gặp Ô tại hẻm 186 BV, Quận P và Ô giao cho T 01 bịch nylon màu đen chứa heroin với giá 14.000.000 đồng. Sau khi nhận ma túy, T mang về nơi ở của T tại đường BD, Phường B, Quận K cất giấu, đồng thời T ra chợ Dân Sinh, Quận P mua một cân điện tử và một số dụng cụ mang về nhà phân chia gói ma túy trên thành 300 tép. Trong các ngày 25 và 26/10/2016, T mang số ma túy trên đến khu vực hẻm 186 BV, Quận P để bán lại cho các đối tượng nghiện với giá 50.000 đồng/1 tép, T bán hết 300 tép thu tiền được 15.000.000 đồng. T trả tiền cho Ô 14.000.000 đồng, hưởng 1.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 27/10/2016, T tiếp tục gặp Ô tại hẻm 186 BV, Quận P để lấy tiếp 01 gói ma túy như lần trước. Sau khi nhận ma túy xong, T mang về nhà tại Quận K phân chia ra được thành 328 tép nhỏ. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, khi T đang điều khiển xe gắn máy mang theo 328 tép heroin đến hẻm 186 BV, Quận P để tiếp tục bán cho các đối tượng nghiện, nhưng khi đến trước số 385A NT, phường NCT, Quận P thì bị Công an Quận P phát hiện bắt quả tang như trên.

Đối với đối tượng tên Ô là người bán ma túy cho T, do T khai không biết rõ lai lịch, địa chỉ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có đủ cơ sở để truy xét làm rõ:

Vật chứng vụ án, gồm có:

- 01 gói niêm phong bên trong là ma túy còn lại sau giám định có chữ ký của GDV Huỳnh Thanh T và CBĐT Nguyễn Văn P ghi vụ số 1926/16;
- 01 điện thoại di động oppo đã qua sử dụng;

- 01 áo khoác màu đen; 01 cân điện tử; 01 quạt Ga; 05 dao lam và một số bịch nilon loại nhỏ.

- Tiền NHVN: 1.100.000 đồng;

- Đối với xe mô tô biển số 59T1-816.38, qua xác minh do chị Nguyễn Thị Bích T2 đứng tên sở hữu. Ngày 17/10/2016, chị T2 cho T mượn xe trên sử dụng để chở con đi học, T2 không biết T sử dụng xe trên vào việc mua bán ma túy, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra trả chiếc xe trên cho chị T2 là có cơ sở.

Tại Bản cáo trạng số 306/CTr-VKS-P1 ngày 25/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Lệ T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 13 đến 15 năm tù, buộc bị cáo nộp phạt 20 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư Trịnh Bá T1 trình bày quan điểm bào chữa: Thống nhất với tội danh và điều khoản truy tố bị cáo T nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì bị cáo hiện nay đang trực tiếp nuôi 03 con nhỏ, có người thân là người có công với cách mạng và mong giảm mức hình phạt bổ sung.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu và khai nhận: Vào lúc 17 giờ 45 phút ngày 27/10/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện bị cáo T điều khiển xe gắn máy 59T1-816.38 đến trước số nhà 385A NT, phường NCT, Quận P có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, phát hiện trong túi áo khoác màu đen để trong cốp xe có 328 tép chứa chất bột màu trắng, qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 37,3635 gram, loại heroin nên lập biên bản phạm tội quả tang.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm gia tăng tệ nạn ma túy, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy loại heroin, với khối lượng 37,3635 gram. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo T phạm tội theo điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Bị cáo đã có một tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích nay lại tái phạm, do đó, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo hiện đang phải nuôi 03 con nhỏ, bị cáo có anh ruột là người có công với cách mạng. Do đó, áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Cần buộc bị cáo T nộp phạt một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 59T1-816.38, đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Bích T2 theo Biên bản trả lại tài sản ngày 23/01/2017 nên Hội đồng xét xử không xét;

- 01 gói niêm phong bên trong là ma túy còn lại sau giám định có chữ ký của GDV Huỳnh Thanh T và CBĐT Nguyễn Văn P ghi vụ số 1926/16, là chất cấm lưu hành. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động oppo, bị cáo T dùng để liên lạc mua bán ma túy, là phương tiện phạm tội. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu sung quỹ Nhà Nước.

- Đối với 01 cân điện tử, là công cụ phạm tội. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu sung quỹ Nhà Nước.

- Đối với 01 que Ga; 05 dao lam và một số bịch nilon loại nhỏ, thu giữ của bị cáo Thu, không còn giá trị sử dụng. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 áo khoác màu đen là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo T;

- Đối với một số ống nhựa cắt ngắn, đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án và không còn giá trị sử dụng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 75 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 1.100.000 đồng, là tiền của bị cáo T, không liên quan đến vụ án. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo T, nhưng tạm giữ lại số tiền để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Lệ T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 45; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Lệ T 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Lệ T nộp phạt số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 75; điểm a, b, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

- + 01 gói niêm phong bên trong là ma túy còn lại sau giám định có chữ ký của GĐV Huỳnh Thanh T và CBĐT Nguyễn Văn P ghi vụ số 1926/16 (gói niêm phong nguyên vẹn);

- + 01 quẹt Ga;

- + 05 dao lam;

- + một số bịch nilon loại nhỏ

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- + 01 điện thoại di động oppo;

- + 01 cân điện tử;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Lệ T: 01 áo khoác màu đen.

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số 322/17 ngày 01/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Lệ T: 1.100.000 đồng, nhưng tạm giữ lại số tiền này để đảm bảo thi hành án (Theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 13/4/2017 của Cơ quan CSĐT Công an TP.HCM).

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án một số ống nhựa cắt ngắn (BL.62A)

Áp dụng Điều 98; khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 231; Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự;
Bị cáo Nguyễn Thị Lệ T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- Cục THA DS Tp.HCM; (1)
- Sở Tư pháp Tp.HCM; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Người bào chữa; (1)
- THA HS; (2)
- Phòng PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (19) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình